

Số: 03 /ĐA-UBND

Quang Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2026

**ĐỀ ÁN XIN Ý KIẾN NHÂN DÂN
Triển khai thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập thôn
trên địa bàn xã Quang Minh năm 2026**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
2. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;
3. Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;
4. Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
5. Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP;
6. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
7. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;
8. Nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau khi được ban hành);
9. Các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hà Nội và hướng dẫn của Sở Nội vụ về sắp xếp thôn, tổ dân phố;
10. Tình hình thực tiễn về dân số, số hộ, ranh giới, hạ tầng kỹ thuật, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn xã Quang Minh.

11. Căn cứ Thông báo số 439-TB/ĐU ngày 29/5/2026 của Đảng ủy xã thông báo ý kiến của Thường trực Đảng ủy về dự kiến phương án sắp xếp thôn trên địa bàn xã.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thôn là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính; là nơi trực tiếp tổ chức sinh hoạt cộng đồng, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia phát huy dân chủ ở cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm an ninh, trật tự và thực hiện các phong trào thi đua tại địa bàn dân cư.

Sau quá trình đô thị hóa, biến động dân cư, phát triển các khu đô thị, khu chung cư, khu dân cư mới và việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hiện trạng thôn trên địa bàn xã Quang Minh có nhiều thay đổi. Một số thôn có quy mô nhỏ, chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện tổ chức theo quy định; một số địa bàn có quy mô quá lớn, mật độ dân cư cao, phát sinh khó khăn trong quản lý dân cư, tổ chức sinh hoạt cộng đồng và triển khai nhiệm vụ ở cơ sở. Việc sắp xếp phải căn cứ vào hiện trạng tổ chức cộng đồng dân cư, tiêu chuẩn tương ứng với loại hình thôn.

Việc xây dựng Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Quang Minh là cần thiết nhằm tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, bảo đảm phù hợp với quy mô số hộ, dân số, ranh giới, hạ tầng, truyền thống cộng đồng và yêu cầu quản trị cơ sở trong giai đoạn mới.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Sắp xếp thôn trên địa bàn xã Quang Minh theo hướng tinh gọn, hợp lý, phù hợp tiêu chuẩn, điều kiện tổ chức theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, phù hợp quy mô dân cư, ranh giới, hạ tầng, truyền thống cộng đồng và yêu cầu quản lý nhà nước ở cơ sở.

Nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tạo thuận lợi trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh và chuyển đổi số ở cơ sở.

Tạo cơ sở kiện toàn tổ chức đảng, Ban công tác Mặt trận, các chi hội đoàn thể và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn sau sắp xếp.

2. Yêu cầu

Bám sát quy định của pháp luật, chỉ đạo của Trung ương, Thành phố và tình hình thực tiễn của xã/phường; bảo đảm công khai, dân chủ, thận trọng, có sự đồng thuận của Nhân dân.

Không sắp xếp cơ học, không chạy theo chỉ tiêu giảm số lượng; phải đánh giá đầy đủ tác động về quản lý dân cư, hạ tầng, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng,

Mặt trận, đoàn thể, an ninh trật tự, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng và lịch sử cộng đồng dân cư.

Gắn sắp xếp thôn với phương án bố trí, kiện toàn người hoạt động không chuyên trách; giải quyết chế độ, chính sách đối với người không tiếp tục tham gia theo quy định; không để phát sinh khiếu nại, kiến nghị phức tạp.

IV. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

1. Việc sắp xếp thôn được thực hiện căn cứ vào hiện trạng tổ chức cộng đồng dân cư, quy mô số hộ, dân số, ranh giới, điều kiện hạ tầng và yêu cầu quản lý thực tế; không mặc định loại hình thôn theo tên gọi đơn vị hành chính là xã.

2. Việc đối chiếu tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình phải thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP: thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên; trường hợp có yếu tố đặc thù thì rà soát, thuyết minh cụ thể theo quy định của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Việc sắp xếp thôn là sắp xếp tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không làm thay đổi địa giới hành chính xã; không làm thay đổi thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND xã; không làm phát sinh thủ tục bắt buộc điều chỉnh giấy tờ của cá nhân, hộ gia đình, tổ chức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ưu tiên sáp nhập các thôn liền kề, có ranh giới tiếp giáp, giao thông thuận lợi, dân cư có sự gắn kết về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, sinh hoạt cộng đồng.

5. Không sắp xếp cơ học đối với địa bàn có yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, làng nghề, an ninh trật tự hoặc bị chia cắt bởi sông, hồ, đường giao thông lớn, khu công nghiệp, khu đô thị nếu việc sắp xếp làm giảm hiệu quả quản lý và tự quản cộng đồng.

6. Đối với khu đô thị, chung cư, khu dân cư mới, việc thành lập hoặc điều chỉnh thôn phải căn cứ số hộ thực tế đã cư trú ổn định, điều kiện hạ tầng, địa bàn quản lý và khả năng tổ chức sinh hoạt cộng đồng.

7. Tên gọi thôn sau sắp xếp phải ngắn gọn, dễ nhớ, phù hợp truyền thống lịch sử, văn hóa, địa danh, không trùng lặp trong cùng xã, không gây nhầm lẫn trong quản lý; việc giữ tên gọi bằng số thứ tự đối với địa bàn đã ổn định cần được thuyết minh rõ để tránh xáo trộn không cần thiết.

8. Việc sắp xếp phải lấy ý kiến Nhân dân tại thôn chịu tác động trực tiếp; kết quả lấy ý kiến phải được tổng hợp đầy đủ, công khai, tiếp thu, giải trình rõ ràng.

V. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THÔN

1. Khái quát đặc điểm địa bàn

Xã Quang Minh có diện tích tự nhiên 32.17 km², dân số 73.340 người (bao gồm 63.400 thường trú và 9.940 tạm trú thường xuyên tại địa phương), 16.816 hộ gia đình. Trên địa bàn hiện có 31 thôn; có Khu công nghiệp Quang Minh với hơn 900 doanh nghiệp đang hoạt động, thu hút gần 40.000 lao động; đồng thời có trên

3.000 hộ kinh doanh và cơ sở sản xuất nhỏ lẻ; có các khu đô thị, khu chung cư, khu dân cư mới: Long Việt Riverside, Vina2, HUD, Licogi 18; tuyến giao thông 35B.

2. Hiện trạng số lượng, quy mô

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
1	Giai Lạc 1	Thôn	328	1282	Là khu dân cư truyền thống Giai Lạc được tách ra thành 3 thôn	Sắp xếp
2	Giai Lạc 2	Thôn	343	1366	Là khu dân cư truyền thống Giai Lạc được tách ra thành 3 thôn	Sắp xếp
3	Giai Lạc 3	Thôn	374	1472	Là khu dân cư truyền thống Giai Lạc được tách ra thành 3 thôn	Sắp xếp
4	Gia Thượng 1	Thôn	540	2070	Là khu dân cư truyền thống Gia Thượng được tách ra thành 2 thôn	Sắp xếp
5	Gia Thượng 2	Thôn	403	1560	Là khu dân cư truyền thống Gia Thượng được tách ra thành 2 thôn	Sắp xếp
6	Gia Trung 1	Thôn	615	2420	Là khu dân cư truyền thống Gia Trung được tách ra thành 2 thôn	Sắp xếp
7	Gia Trung 2	Thôn	544	1996	Là khu dân cư truyền thống Gia Trung được tách ra thành 2 thôn	Sắp xếp
8	Chi Đông 1	Thôn	382	1495	Là khu dân cư truyền thống Chi Đông được tách ra thành 8 thôn	Sắp xếp
9	Chi Đông 2	Thôn	450	1493	Là khu dân cư truyền thống Chi Đông được tách ra thành 8 thôn	Sắp xếp
10	Chi Đông 3	Thôn	416	1514	Là khu dân cư truyền thống Chi Đông được tách ra thành 8 thôn	Sắp xếp

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
11	Chi Đông 4	Thôn	237	873	Là khu dân cư truyền thống Chi Đông được tách ra thành 8 thôn	Sắp xếp
12	Chi Đông 5	Thôn	280	1047	Là khu dân cư truyền thống Chi Đông được tách ra thành 8 thôn	Sắp xếp
13	Chi Đông 6	Thôn	262	741	Là khu dân cư truyền thống Chi Đông được tách ra thành 8 thôn	Sắp xếp
14	Chi Đông 7	Thôn	193	744	Là khu dân cư truyền thống Chi Đông được tách ra thành 8 thôn	Sắp xếp
15	Chi Đông 8	Thôn	351	1336	Là khu dân cư truyền thống Chi Đông được tách ra thành 8 thôn	Sắp xếp
16	Ấp Tre	Thôn	671	2770	Số hộ gia đình nhỏ, có địa bàn liền kề	Sắp xếp
17	Đồng Vỡ	Thôn	289	1315	Số hộ gia đình nhỏ, có địa bàn liền kề	Sắp xếp
18	Bảo Tháp	Thôn	730	3363	Số hộ gia đình nhỏ, có địa bàn liền kề	Sắp xếp
19	Kim Tiền	Thôn	266	1012	Số hộ gia đình nhỏ, có địa bàn liền kề	Sắp xếp
20	Lâm Hộ	Thôn	810	3006	Số hộ gia đình nhỏ, có địa bàn liền kề	Sắp xếp
21	Phú Nhi	Thôn	415	1535	Số hộ gia đình nhỏ, có địa bàn liền kề	Sắp xếp
22	Ấp Hạ	Thôn	233	843	Số hộ gia đình nhỏ, có địa bàn liền kề	Sắp xếp

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Đặc điểm địa bàn	Định hướng
23	Áp 1	Thôn	285	1147	Số hộ gia đình nhỏ, có địa bàn liền kề	Sắp xếp
24	Đồng	Thôn	577	2314	Số hộ gia đình lớn, có khu đô thị	Giữ nguyên
25	Gia Tân	Thôn	454	1829	Khu dân cư truyền thống, có đạo chúa toàn phần	Giữ nguyên
26	Phù Trì	Thôn	1278	4765	Khu dân cư lớn	Giữ nguyên
27	Yên Vinh	Thôn	838	3351	Khu dân cư lớn	Giữ nguyên
28	Nội Đồng	Thôn	1362	5153	Khu dân cư lớn	Giữ nguyên
29	Đại Bái	Thôn	522	2009	Khu dân cư lớn, có khu đô thị đang triển khai	Giữ nguyên
30	Thường Lệ	Thôn	1460	5767	Khu dân cư lớn	Giữ nguyên
31	Liễu Trì	Thôn	620	2299	Dân cư ổn định, văn hóa truyền thống	Giữ nguyên

3. Bảng đối chiếu tiêu chí và định hướng xử lý

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
1	Giai Lạc 1	Thôn	328	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
2	Giai Lạc 2	Thôn	343	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
3	Giai Lạc 3	Thôn	374	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
4	Gia Thượng 1	Thôn	540	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Sáp nhập	Khu dân cư truyền thống, tiếp giáp
5	Gia Thượng 2	Thôn	403	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
6	Gia Trung 1	Thôn	615	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Sáp nhập	Khu dân cư truyền thống, tiếp giáp
7	Gia Trung 2	Thôn	544	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Sáp nhập	Khu dân cư truyền thống, tiếp giáp
8	Chi Đông 1	Thôn	382	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
9	Chi Đông 2	Thôn	450	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
10	Chi Đông 3	Thôn	416	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
				CP			hộ gia đình
11	Chi Đông 4	Thôn	237	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
12	Chi Đông 5	Thôn	280	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
13	Chi Đông 6	Thôn	262	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
14	Chi Đông 7	Thôn	193	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
15	Chi Đông 8	Thôn	351	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
16	Ấp Tre	Thôn	671	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Sáp nhập	Khu dân cư truyền thống, tiếp giáp
17	Đồng Vỡ	Thôn	289	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
18	Bảo Tháp	Thôn	730	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Sáp nhập	Khu dân cư truyền thống, tiếp giáp
19	Kim Tiền	Thôn	266	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
20	Lâm Hộ	Thôn	810	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Sáp nhập	Khu dân cư truyền thống, tiếp giáp
21	Phú Nhi	Thôn	415	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
22	Ấp Hạ	Thôn	233	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
23	Ấp 1	Thôn	285	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Sáp nhập	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình
24	Đồng	Thôn	577	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Giữ nguyên	Khu dân cư truyền thống
25	Gia Tân	Thôn	454	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Chưa đạt	Giữ nguyên	Khu dân cư truyền thống, có yếu tố đặc

TT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ hiện có	Tiêu chuẩn áp dụng	Đạt/chưa đạt	Phương án xử lý	Lý do
				CP			thù
26	Phù Trì	Thôn	1278	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Giữ nguyên	Đảm bảo tiêu chuẩn, khu dân cư truyền thống
27	Yên Vinh	Thôn	838	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Giữ nguyên	Đảm bảo tiêu chuẩn, khu dân cư truyền thống
28	Nội Đồng	Thôn	1362	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Giữ nguyên	Đảm bảo tiêu chuẩn, khu dân cư truyền thống
29	Đại Bái	Thôn	522	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Giữ nguyên	Đảm bảo tiêu chuẩn, khu dân cư truyền thống
30	Thường Lệ	Thôn	1460	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Giữ nguyên	Đảm bảo tiêu chuẩn, khu dân cư truyền thống
31	Liễu Trì	Thôn	620	Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP	Đạt	Giữ nguyên	Đảm bảo tiêu chuẩn, khu dân cư truyền thống

4. Hiện trạng tổ chức hệ thống chính trị và người hoạt động không chuyên trách

Trên địa bàn xã Quang Minh có 31 chi bộ với 1.347 đảng viên, 31 Ban công tác Mặt trận, 31 chi hội phụ nữ, 31 chi hội cựu chiến binh, 31 chi hội nông dân, 31

đoàn thanh niên, 31 tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, 31 nhà văn hóa và 82 người hoạt động không chuyên trách tại từng thôn.

Chức danh/Nội dung	Hiện có	Sau sắp xếp	Tăng/giảm	Ghi chú
Trưởng thôn	31	18	- 13	
Bí thư chi bộ	31	18	- 02	
Trưởng ban công tác Mặt trận	20	18	- 13	
Người hoạt động không chuyên trách khác theo quy định (Phó Trưởng thôn)	82	86	+ 04	
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	31	31		

VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CỤ THỂ

1. Tổng hợp phương án chung

Nội dung	Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Tăng/giảm
Tổng số thôn	31	18	- 13
Số người hoạt động không chuyên trách	82	86	+ 04

Nội dung	Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Tăng/giảm
ở thôn			
Số chi bộ	31	18	- 13
Số Ban công tác Mặt trận	31	18	- 13

2. Phương án sáp nhập

Đối với từng phương án sáp nhập, Đề án phải thuyết minh rõ hiện trạng từng thôn, tổ dân phố; lý do sáp nhập; tên gọi sau sắp xếp; ranh giới; quy mô số hộ, dân số, diện tích; tổ chức đảng, Mặt trận, đoàn thể; cơ sở vật chất; phương án nhân sự và tác động đến người dân.

2.1. Thôn Giai Lạc

Nội dung	Thôn Giai Lạc 1	Thôn Giai Lạc 2	Thôn Giai Lạc	Sau sáp nhập Giai Lạc
Số hộ	328	343	374	1045
Dân số	1282	1366	1472	4120
Số đảng viên	26	33	39	98
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	01	01	01	03
Người hoạt động không chuyên trách	04	04	04	05

2.2. Thôn Gia Thượng

Nội dung	Thôn Gia Thượng 1	Thôn Gia Thượng 2	Sau sáp nhập Gia Thượng
Số hộ	540	403	943
Dân số	2070	1560	3630
Số đảng viên	26	41	67
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	01	01	02
Người hoạt động không chuyên trách	04	04	05

2.3. Thôn Gia Trung

Nội dung	Thôn Gia Trung 1	Thôn Gia Trung 2	Sau sáp nhập Gia Trung
Số hộ	615	544	1159
Dân số	2420	1996	4416
Số đảng viên	58	55	113
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	01	01	02
Người hoạt động không chuyên trách	04	04	05

2.4. Thôn Thanh Minh

Nội dung	Thôn Ấp Tre	Thôn Đồng Vỡ	Sau sáp nhập Thanh Minh
Số hộ	671	289	960
Dân số	2770	1137	4085
Số đảng viên	47	14	61
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	01	01	02
Người hoạt động không chuyên trách	04	03	05

2.5. Thôn Chi Đông 1

Nội dung	Thôn Chi Đông 1	Thôn Chi Đông 2	Sau sáp nhập Chi Đông 1
Số hộ	382	450	832
Dân số	1495	1493	2988
Số đảng viên	23	27	50
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	01	01	02
Người hoạt động không chuyên trách	04	04	05

2.6. Thôn Chi Đông 2

Nội dung	Thôn Chi Đông 3	Thôn Chi Đông 4	Thôn Chi Đông 5	Sau sáp nhập Chi Đông 2
Số hộ	416	237	280	933
Dân số	1514	873	1047	3434
Số đảng viên	28	13	14	55
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	01	01	01	03
Người hoạt động không chuyên trách	04	03	03	05

2.7. Thôn Chi Đông 3

Nội dung	Thôn Chi Đông 6	Thôn Chi Đông 7	Thôn Chi Đông 8	Sau sáp nhập Chi Đông 3
Số hộ	262	193	351	806
Dân số	741	739	1336	2834
Số đảng viên	14	14	16	44
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	01	01	01	03
Người hoạt động không chuyên trách	04	04	04	05

2.8. Thôn Phú Lâm

Nội dung	Thôn Lâm Hộ	Thôn Phú Nhi	Sau sáp nhập Phú Lâm
Số hộ	810	415	1225
Dân số	3006	1535	4541
Số đảng viên	77	40	117
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	01	01	02
Người hoạt động không chuyên trách	03	03	05

2.9. Thôn Bảo Kim

Nội dung	Thôn Kim Tiền	Thôn Bảo Tháp	Sau sáp nhập Bảo Kim
Số hộ	266	730	996
Dân số	1012	3363	4375
Số đảng viên	32	99	131
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	01	01	02
Người hoạt động không chuyên trách	03	03	05

2.10. Thôn Thanh Bình

Nội dung	Thôn Ấp Hạ	Thôn Ấp 1	Sau sáp nhập Thanh Bình
Số hộ	233	285	518
Dân số	843	1147	1990
Số đảng viên	23	19	42
Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng	01	01	02
Người hoạt động không chuyên trách	03	04	04

3. Phương án giữ nguyên

STT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Lý do giữ nguyên
1	Gia Tân	Thôn	454	1829	Địa bàn ổn định và có yếu tố đặc thù (tôn giáo toàn tòng)
2	Yên Vinh	Thôn	838	3351	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
3	Đồng	Thôn	577	2314	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định đặc thù

STT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Lý do giữ nguyên
4	Phù Trì	Thôn	1278	4765	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
5	Nội Đồng	Thôn	1362	5153	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
6	Đại Bái	Thôn	522	2009	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
7	Thường Lệ	Thôn	1460	5767	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định
8	Liễu Trì	Thôn	620	2299	Đạt tiêu chuẩn, địa bàn ổn định

VII. YÊU CẦU VỀ RANH GIỚI, BẢN ĐỒ VÀ DỮ LIỆU DÂN CƯ

UBND xã chỉ đạo phòng Kinh tế cập nhật, đối chiếu dữ liệu dân cư, danh sách hộ gia đình, danh sách cử tri đại diện hộ gia đình, hồ sơ quản lý địa bàn và các dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước. Cụ thể:

TT	Tên thôn sau sắp xếp	Ranh giới phía Đông	Ranh giới phía Tây	Ranh giới phía Nam	Ranh giới phía Bắc
1	Giai Lạc (Giai Lạc 1,2,3)	Giáp với thôn Gia Thượng và Gia Tân	Giáp với thôn Chi Đông 2 và Ấp Tre	Giáp với thôn Gia Thượng và Ấp Tre	Giáp với thôn Chi Đông 2 và Gia Tân

TT	Tên thôn sau sắp xếp	Ranh giới phía Đông	Ranh giới phía Tây	Ranh giới phía Nam	Ranh giới phía Bắc
2	Gia Thượng (Gia Thượng 1,2)	Giáp với thôn Gia Trung và Gia Tân	Giáp với thôn Giai Lạc và Ấp Tre	Giáp với thôn Gia Trung và Ấp Tre	Giáp với thôn Giai Lạc và Gia Tân
3	Gia Trung (Gia Trung 1,2)	Giáp với đường Võ Văn Kiệt	Giáp với thôn Gia Thượng và Ấp Tre	Giáp với thôn Ấp Tre	Giáp với thôn Gia Thượng và Gia Tân
4	Thôn Đồng	Giáp với xã Nội Bài	Giáp với đường Võ Văn Kiệt	Giáp với xã Phúc Thịnh	Giáp với Sông Cà Lồ
5	Thanh Minh	Giáp với xã Phúc Thịnh và thôn Gia Trung	Giáp với thôn Yên Vinh, Phú Nhi và Ấp Hạ	Giáp với thôn Ấp Hạ	Giáp với thôn Giai Lạc, Gia Thượng, Gia Trung
6	Chi Đông 1	Giáp với thôn Chi Đông 2	Giáp với thôn Phù Trì và Bảo Tháp	Giáp với thôn Chi Đông 2 và Lâm Hộ	Giáp với thôn Chi Đông 3 và Bảo Tháp
7	Chi Đông 2	Giáp với thôn Giai Lạc và Gia Tân	Giáp với thôn Lâm Hộ và Chi Đông 1	Giáp với thôn Giai Lạc và Lâm Hộ	Giáp với thôn Chi Đông 1 và Chi Đông 3
8	Chi Đông 3	Giáp với Sông Cà Lồ	Giáp với thôn Bảo Tháp và Chi Đông 1	Giáp với thôn Chi Đông 1	Giáp với thôn Bảo Tháp và Sông Cà Lồ
9	Gia Tân	Giáp với Sông Cà Lồ và thôn Đồng	Giáp với thôn Giai Lạc và Gia Thượng	Giáp với thôn Giai Lạc, Gia Trung và Gia Thượng	Giáp với Sông Cà Lồ
10	Phú Lâm	Giáp với thôn Ấp Tre và thôn Chi Đông 2	Giáp với thôn Phù Trì và Yên Vinh	Giáp với thôn Yên Vinh và Ấp Tre	Giáp với thôn Phù Trì và Chi Đông 1,2
11	Yên Vinh	Giáp với thôn Ấp Tre, Lâm Hộ và thôn Ấp Hạ	Giáp với thôn Nội Đồng, Đại Bái và Thường Lệ	Giáp với thôn Nội Đồng, Đại Bái và Thường Lệ	Giáp với thôn Phù Trì và Lâm Hộ
12	Bảo Kim	Giáp với thôn Chi Đông 1,3 và Sông Cà	Giáp với thôn Phù Trì và Vành đai 4	Giáp với thôn Phù Trì và Chi Đông 1	Giáp với Vành đai 4 và Sông cà lồ

TT	Tên thôn sau sắp xếp	Ranh giới phía Đông	Ranh giới phía Tây	Ranh giới phía Nam	Ranh giới phía Bắc
		Lồ			
13	Phù Trì	Giáp với thôn Chi Đông 1 và thôn Lâm Hộ, Yên Vinh	Giáp với thôn Phù Trì và Vành đai 4	Giáp với thôn Phù Trì và Chi Đông 1	Giáp với Vành đai 4 và Sông cà lồ
14	Nội Đồng	Giáp với thôn Phù Trì, Yên Vinh và thôn Đại Bái	Giáp với Đường 100 và Vành đai 4	Giáp với thôn Đại Bái và Đường 100	Giáp với Vành đai 4 và thôn Phù Trì
15	Thường Lệ	Giáp với thôn Liễu Trì, Yên Vinh và thôn Ấp Hạ	Giáp với thôn Đại Bái và Liễu Trì	Giáp với thôn Đại Bái và Liễu Trì	Giáp với thôn Đại Bái và Yên Vinh
16	Đại Bái	Giáp với thôn Liễu Trì, Yên Vinh và thôn Thường Lệ	Giáp với thôn Nội Đồng và Đường 100	Giáp với thôn Thường lệ, Liễu Trì và Đường 100	Giáp với thôn Nội Đồng và Yên Vinh
17	Liễu Trì	Giáp với thôn Ấp Hạ	Giáp với thôn Đại Bái và Đường 100	Giáp với Đường 100	Giáp với thôn Đại Bái và Thường Lệ
18	Thanh Bình	Giáp với thôn Ấp Tre và Đường 100	Giáp với thôn Liễu Trì, Thường Lệ và Yên Vinh	Giáp với Đường 100	Giáp với thôn Ấp Tre

VIII. TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN

1. Đối tượng, nội dung và hình thức lấy ý kiến

Việc lấy ý kiến được thực hiện đối với cử tri đại diện hộ gia đình tại các thôn chịu tác động trực tiếp của phương án sắp xếp. Nội dung lấy ý kiến gồm sự cần thiết sắp xếp; phương án sắp xếp; tên gọi; ranh giới; phương án sử dụng nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; phương án kiện toàn người hoạt động không chuyên trách và các kiến nghị khác của Nhân dân.

UBND xã lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; bảo đảm xác định đúng người tham gia, tổng hợp được kết quả, lập biên bản và lưu hồ sơ đầy đủ.

2. Hồ sơ chứng minh việc lấy ý kiến

- Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân;

- Tài liệu tóm tắt phương án sắp xếp;
- Danh sách cử tri đại diện hộ gia đình thuộc địa bàn chịu tác động;
- Phiếu lấy ý kiến hoặc biên bản hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình;
- Biên bản kiểm phiếu/tổng hợp phiếu lấy ý kiến;
- Bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân, nhất là các ý kiến không đồng ý hoặc kiến nghị khác;
- Tài liệu công khai kết quả lấy ý kiến tại địa bàn dân cư.

IX. PHƯƠNG ÁN KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ SAU SẮP XẾP

1. Kiến toàn tổ chức đảng, Mặt trận và các chi hội đoàn thể; Phương án người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Đảng ủy xã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, kiện toàn chi bộ tại các thôn sau sắp xếp; bảo đảm tổ chức đảng phù hợp với địa bàn dân cư mới, không làm gián đoạn công tác lãnh đạo ở cơ sở. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội rà soát, kiện toàn Ban công tác Mặt trận, chi hội, chi đoàn sau sắp xếp theo quy định, phù hợp điều lệ của từng tổ chức. Việc bố trí căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, uy tín, năng lực, kinh nghiệm, sự am hiểu địa bàn và yêu cầu kiêm nhiệm phù hợp; bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy trình lựa chọn, bầu cử hoặc công nhận theo quy định. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố sau sắp xếp phải phù hợp Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Nghị quyết của HĐND Thành phố và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

X. TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Tác động về tổ chức

Việc sắp xếp làm giảm 13 thôn, tương ứng giảm 13 đầu mối tự quản ở cộng đồng dân cư; góp phần tinh gọn tổ chức, thuận lợi hơn trong chỉ đạo, điều hành của UBND xã và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở địa bàn dân cư.

2. Tác động về người hoạt động không chuyên trách

Sau sắp xếp, số người hoạt động không chuyên trách ở thôn có nhu cầu nghỉ công tác do không đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn; đồng thời phải bảo đảm chế độ, chính sách, tâm tư, nguyện vọng của người không tiếp tục tham gia theo quy định.

3. Tác động về ngân sách

Việc sắp xếp dự kiến giúp giảm chi phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; đồng thời phát sinh một số khoản chi ban đầu phục vụ lấy ý kiến Nhân dân, in ấn tài liệu, chỉnh lý hồ sơ, cập nhật dữ liệu, biên tên, cơ sở vật chất và chính sách đối với người không tiếp tục tham gia.

4. Tác động đến người dân

Việc sắp xếp thôn, tổ dân phố không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ công dân; không làm thay đổi địa giới hành chính xã; không làm ảnh hưởng đến giấy tờ pháp lý cá nhân, hộ gia đình nếu pháp luật không yêu cầu điều chỉnh.

5. Tác động đến quản lý nhà nước

Sau sắp xếp, UBND xã có điều kiện quản lý địa bàn tập trung hơn, thuận lợi trong cập nhật dữ liệu dân cư, triển khai dịch vụ công, chuyển đổi số, bảo đảm an ninh trật tự, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở.

XI. THẨM QUYỀN, HỒ SƠ VÀ TRÌNH TỰ TRÌNH QUYẾT ĐỊNH

UBND xã xây dựng Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại các thôn chịu tác động trực tiếp; báo cáo Đảng ủy xã; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã hoàn thiện hồ sơ; trình HĐND xã xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, Nghị quyết của HĐND Thành phố và các quy định pháp luật có liên quan.

Nghị quyết của HĐND xã cần thể hiện rõ danh sách cụ thể thôn sau sắp xếp (*có Phụ lục kèm theo Nghị quyết*) để bảo đảm rõ ràng, thuận tiện cho công bố, lưu trữ và tổ chức thực hiện.

Hồ sơ trình gồm:

1. Tờ trình của UBND xã;
2. Đề án sắp xếp thôn;
3. Dự thảo Nghị quyết của HĐND xã;
4. Báo cáo tổng hợp hiện trạng thôn;
5. Danh sách thôn trước và sau sắp xếp;
6. Bản đồ hoặc sơ đồ ranh giới thôn trước và sau sắp xếp;
7. Biên bản, phiếu lấy ý kiến, biên bản kiểm phiếu và bảng tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân;
8. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân;

9. Văn bản của Đảng ủy xã cho ý kiến về phương án sắp xếp;
10. Văn bản của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;
11. Phương án kiện toàn tổ chức, nhân sự, người hoạt động không chuyên trách ở thôn;
12. Dự toán kinh phí thực hiện;
13. Các tài liệu khác có liên quan.

XII. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Giai đoạn	Thời gian dự kiến	Nội dung chủ yếu	Cơ quan chủ trì/phối hợp
Rà soát, xây dựng phương án	27/5/2026 - 06/6/2026	Rà soát số liệu, ranh giới, dân cư, nhân sự, cơ sở vật chất; xây dựng dự thảo Đề án	UBND xã; Ban Xây dựng Đảng, Phòng Văn hóa - phòng Kinh tế; Công an xã
Lấy ý kiến Nhân dân	07/6/2026 - 13/6/2026	Công khai phương án; tổ chức hội nghị/phát phiếu; tổng hợp, tiếp thu, giải trình	UBND xã; MTTQ; các thôn
Trình HĐND xã	14/6/2026-19/6/2026	Hoàn thiện hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp HĐND xã	UBND xã; Văn phòng HĐND và UBND xã
HĐND xã họp	20/6/2026-25/6/2026	HĐND xã họp thông qua Nghị quyết về việc sắp xếp các thôn trên địa bàn xã	HĐND xã, UBND xã; Văn phòng HĐND và UBND xã
Báo cáo Thành phố	26/6/2026-28/6/2026	Hoàn thiện hồ sơ báo cáo Thành phố về việc sắp xếp các thôn trên địa bàn xã	UBND xã; phòng Văn hóa -Xã hội; Văn phòng HĐND và UBND xã
Tổ chức thực hiện	30/6/2026	Công bố nghị quyết; kiện toàn tổ chức, nhân sự; bàn giao hồ sơ, tài sản; cập nhật dữ liệu	UBND xã và các cơ quan liên quan

XIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân xã

Chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, hoàn thiện hồ sơ Đề án; tổ chức rà soát hiện trạng, số liệu dân cư, số hộ, ranh giới, thiết chế văn hóa, đội ngũ người hoạt động không chuyên trách; chỉ đạo việc lấy ý kiến Nhân dân, tổng hợp, tiếp thu, giải

trình ý kiến; hoàn thiện hồ sơ trình HĐND xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền; tổ chức công bố, triển khai thực hiện sau khi Nghị quyết được thông qua.

2. Văn phòng HĐND và UBND

Tham mưu chương trình, hồ sơ trình HĐND xã; rà soát thể thức, kỹ thuật trình bày tờ trình, dự thảo nghị quyết, phụ lục kèm nghị quyết; phối hợp chuẩn bị kỳ họp, công bố, lưu trữ hồ sơ, theo dõi tiến độ thực hiện nghị quyết sau khi được thông qua.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội

Làm đầu mối tham mưu UBND xã về lĩnh vực thôn và người hoạt động không chuyên trách ở thôn; chủ trì tổng hợp hồ sơ Đề án; tham mưu kế hoạch, tờ trình, dự thảo nghị quyết; tổng hợp số lượng thôn trước và sau sắp xếp; tham mưu phương án bố trí, kiện toàn người hoạt động không chuyên trách; rà soát yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, thiết chế văn hóa, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; tham mưu việc đặt tên, đổi tên thôn; trình dự toán kinh phí và thanh quyết toán đối với việc thực hiện Đề án theo quy định hiện hành.

4. Phòng Kinh tế

Phối hợp rà soát ranh giới thôn; lập sơ đồ, bản đồ hiện trạng và phương án ranh giới sau sắp xếp; đánh giá sự phù hợp về giao thông, hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, khu đô thị, chung cư, nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; tham mưu phương án quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, tài sản công, thiết chế văn hóa, hạ tầng kỹ thuật có liên quan sau sắp xếp.

Rà soát, tham mưu rà soát, tổng hợp, bảo đảm nguồn lực, kinh phí phục vụ triển khai công tác sắp xếp thôn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý tài chính hiện hành.

5. Công an xã

Phối hợp rà soát số hộ, dân số, danh sách cử tri đại diện hộ gia đình, biến động dân cư, địa bàn quản lý, tình hình an ninh trật tự; đánh giá tác động của phương án sắp xếp đến công tác quản lý dân cư, phòng cháy, chữa cháy, an ninh cơ sở, trật tự đô thị, trật tự công cộng; tham gia ý kiến đối với phương án ranh giới thôn sau sắp xếp.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

Phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân; tham gia tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình; giám sát việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch; tổng hợp tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân để UBND xã tiếp thu, giải trình.

7. Các tổ chức chính trị - xã hội xã

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận với phương án sắp xếp; rà soát, kiện toàn chi hội, chi đoàn ở thôn sau sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với địa bàn dân cư mới.

8. Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng Ban công tác mặt trận:

Phối hợp cung cấp số liệu, danh sách hộ gia đình, tình hình dân cư, cơ sở vật chất, thiết chế cộng đồng; tham gia tổ chức hội nghị hoặc phát phiếu lấy ý kiến Nhân dân; tuyên truyền, giải thích để Nhân dân hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc sắp xếp; thực hiện bàn giao hồ sơ, tài sản, tài liệu, công việc sau khi phương án được cấp có thẩm quyền quyết định.

XIV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đảng ủy xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất việc sắp xếp thôn trên địa bàn;

- HĐND xã xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn trên địa bàn theo thẩm quyền;

- UBND Thành phố, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện;

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố Hà Nội;
- Sở Nội vụ thành phố Hà Nội;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Các đ/c PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- CPVP;

- Lưu: VT, VHXX (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Dũng



PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH HIỆN TRẠNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ

STT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Chi bộ	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt	Người HDKCT	Đánh giá
1	Giai Lạc 1	Thôn	328	1282	Có	Có	04	Sắp xếp
2	Giai Lạc 2	Thôn	343	1366	Có	Có	04	Sắp xếp
3	Giai Lạc 3	Thôn	374	1472	Có	Có	04	Sắp xếp
4	Gia Thượng 1	Thôn	540	2070	Có	Có	04	Sắp xếp
5	Gia Thượng 2	Thôn	403	1560	Có	Có	04	Sắp xếp
6	Gia Trung 1	Thôn	615	2420	Có	Có	04	Sắp xếp
7	Gia Trung 2	Thôn	544	1996	Có	Có	04	Sắp xếp
8	Chi Đông 1	Thôn	382	1495	Có	Có	04	Sắp xếp
9	Chi Đông 2	Thôn	450	1493	Có	Có	04	Sắp xếp
10	Chi Đông 3	Thôn	416	1514	Có	Có	04	Sắp xếp
11	Chi Đông 4	Thôn	237	873	Có	Có	03	Sắp xếp
12	Chi Đông 5	Thôn	280	1047	Có	Có	03	Sắp xếp
13	Chi Đông 6	Thôn	262	741	Có	Có	04	Sắp xếp
14	Chi Đông 7	Thôn	193	744	Có	Có	04	Sắp xếp
15	Chi Đông 8	Thôn	351	1336	Có	Có	04	Sắp xếp
16	Ấp Tre	Thôn	671	2770	Có	Có	04	Sắp xếp

STT	Tên thôn	Loại hình	Số hộ	Dân số	Chi bộ	Nhà văn hóa/điểm sinh hoạt	Người HDKCT	Đánh giá
17	Đồng Vờ	Thôn	289	1315	Có	Có	03	Sắp xếp
18	Bảo Tháp	Thôn	730	3363	Có	Có	03	Sắp xếp
19	Kim Tiền	Thôn	266	1012	Có	Có	03	Sắp xếp
20	Lâm Hộ	Thôn	810	3006	Có	Có	03	Sắp xếp
21	Phú Nhi	Thôn	415	1535	Có	Có	03	Sắp xếp
22	Áp Hạ	Thôn	233	843	Có	Có	03	Sắp xếp
23	Áp 1	Thôn	285	1147	Có	Có	04	Sắp xếp
24	Đồng	Thôn	577	2314	Có	Có	04	Giữ nguyên
25	Gia Tân	Thôn	454	1733	Có	Có	04	Giữ nguyên
26	Phù Trì	Thôn	1278	4765	Có	Có	04	Giữ nguyên
27	Yên Vinh	Thôn	838	3351	Có	Có	04	Giữ nguyên
28	Nội Đồng	Thôn	1362	5153	Có	Có	03	Giữ nguyên
29	Đại Bái	Thôn	522	2009	Có	Có	03	Giữ nguyên
30	Thường Lệ	Thôn	1460	5767	Có	Có	03	Giữ nguyên
31	Liều Trì	Thôn	620	2299	Có	Có	04	Giữ nguyên



PHỤ LỤC 2. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN, TỔ DÂN PHỐ

STT	Tên hiện nay	Loại hình	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Ghi chú
1	Giai Lạc 1	Thôn	Sáp nhập	Giai Lạc	1045	4120	
2	Giai Lạc 2	Thôn	Sáp nhập				
3	Giai Lạc 3	Thôn	Sáp nhập				
4	Gia Thượng 1	Thôn	Sáp nhập	Gia Thượng	943	3630	
5	Gia Thượng 2	Thôn	Sáp nhập				
6	Gia Trung 1	Thôn	Sáp nhập	Gia Trung	1159	4416	
7	Gia Trung 2	Thôn	Sáp nhập				
8	Chi Đông 1	Thôn	Sáp nhập	Chi Đông 1	832	2988	
9	Chi Đông 2	Thôn	Sáp nhập				
10	Chi Đông 3	Thôn	Sáp nhập	Chi Đông 2	933	3434	
11	Chi Đông 4	Thôn	Sáp nhập				
12	Chi Đông 5	Thôn	Sáp nhập				
13	Chi Đông 6	Thôn	Sáp nhập	Chi Đông 3	806	2821	
14	Chi Đông 7	Thôn	Sáp nhập				
15	Chi Đông 8	Thôn	Sáp nhập				
16	Ấp Tre	Thôn	Sáp nhập	Thanh Minh	960	4085	
17	Đồng Vỡ	Thôn	Sáp nhập				

STT	Tên hiện nay	Loại hình	Hình thức sắp xếp	Tên sau sắp xếp	Số hộ sau sắp xếp	Dân số sau sắp xếp	Ghi chú
18	Bảo Tháp	Thôn	Sáp nhập	Bảo Kim	996	4375	
19	Kim Tiền	Thôn	Sáp nhập				
20	Lâm Hộ	Thôn	Sáp nhập	Phú Lâm	1225	4541	
21	Phú Nhi	Thôn	Sáp nhập				
22	Ấp Hạ	Thôn	Sáp nhập	Thanh Bình	518	1990	
23	Ấp 1	Thôn	Sáp nhập				
24	Đồng	Thôn	Giữ nguyên				
25	Gia Tân	Thôn	Giữ nguyên				
26	Phù Trì	Thôn	Giữ nguyên				
27	Yên Vinh	Thôn	Giữ nguyên				
28	Nội Đồng	Thôn	Giữ nguyên				
29	Đại Bái	Thôn	Giữ nguyên				
30	Thường Lệ	Thôn	Giữ nguyên				
31	Liễu Trì	Thôn	Giữ nguyên				



PHỤ LỤC 3. PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỬ TRI ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

Tên thôn khu vực lấy ý kiến: ...

Nội dung lấy ý kiến: Phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Quang Minh theo Đề án của UBND xã Quang Minh

Nội dung	Ý kiến đồng ý	Ý kiến không đồng ý	Ý kiến khác/kiến nghị
Sự cần thiết sắp xếp	☐	☐	...
Phương án sắp xếp, ranh giới, tên gọi	☐	☐	...
Phương án kiện toàn người hoạt động không chuyên trách	☐	☐	...

Đại diện hộ gia đình ký, ghi rõ họ tên: ...

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUANG MINH**



PHỤ LỤC 4. BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN NHÂN DÂN

STT	Ý kiến/kiến nghị	Số lượng hộ/ý kiến	Nội dung tiếp thu, giải trình	Điều chỉnh trong Đề án
1	...	...	...	Có/Không
2	...	...	...	...



**PHỤ LỤC 5. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN
TRÁCH SAU SẮP XẾP**

STT	Thôn sau sắp xếp	Chức danh				Tổng cộng
		Trưởng thôn	Bí thư Chi bộ	Trưởng ban CTMT	Phó Trưởng thôn	
1	Giai Lạc (Giai Lạc 1,2,3)	01	01	01	02	05
2	Gia Thượng (Gia Thượng 1,2)	01	01	01	02	05
3	Gia Trung (Gia Trung 1,2)	01	01	01	02	05
4	Thôn Đồng	01	01	01	01	04
5	Thanh Minh	01	01	01	02	05
6	Chi Đông 1	01	01	01	02	05
7	Chi Đông 3	01	01	01	02	05
8	Chi Đông 2	01	01	01	02	05
9	Gia Tân	01	01	01	01	04
10	Phú Lâm	01	01	01	02	05
11	Yên Vinh	01	01	01	02	05
12	Bảo Kim	01	01	01	02	05
13	Phù Trì	01	01	01	02	05

STT	Thôn sau sắp xếp	Chức danh				Tổng cộng
14	Nội Đồng	01	01	01	02	05
15	Thường Lệ	01	01	01	02	05
16	Đại Bái	01	01	01	01	04
17	Liễu Trì	01	01	01	01	04
18	Thanh Bình	01	01	01	01	04